

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 11 - 03 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thành và ông Đỗ Văn Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoà - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị S, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nơi ở hiện nay: Hyundai 1st, 31 S-ro, S1-gu, A-si, G-do, K (Hàn Quốc), vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Hà Thị S và anh Phạm Duy H để giao tài liệu, nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Ông Phạm Tiến H1 và ông Ngô Văn N; địa chỉ: Số C Đ, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Duy H, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nơi ở hiện nay: S Bld Energeticienilor N.9 -11 Jud, B, R, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T, sinh năm 1954 (mẹ đẻ của chị Hà Thị S); nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Hà Thị S, bị đơn anh Phạm Duy H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh H kết hôn ngày 28/5/2010, tại UBND xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện. Sau một thời gian chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 09/2019 quan điểm sống của anh chị có sự khác biệt, không còn tiếng nói chung, tình trạng hôn nhân rơi vào trầm trọng. Mỗi người ở một nơi không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị S làm đơn đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị S và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Hà Bảo T1, sinh ngày 20/12/2010. Hiện nay cháu đang ở với bà Lê Thị T, sinh năm 1954 (mẹ đẻ của chị Hà Thị S); nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Khi ly hôn chị S có nguyện vọng nuôi cháu T1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và lao động tự lập được; trong khi chị chưa về Việt Nam đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho mẹ chị bà Lê Thị Thanh chăm S2, nuôi dưỡng cháu ăn học. Khi nào chị về nước bà Lê Thị Thanh G1 lại cháu T1 cho chị nuôi dưỡng. Do điều kiện không về Việt Nam để giải quyết vụ án được chị đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S đề nghị anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và lao động tự lập được.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Phạm Duy H trình bày: Anh xác định về quan hệ hôn nhân và con chung như chị Hà Thị S trình bày tại đơn khởi kiện là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay chị S xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh đồng ý giao cho chị S nuôi dưỡng cháu Phạm Hà Bảo T1, sinh ngày 20/12/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị S mỗi tháng với với số tiền 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và vấn đề khác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện không về Việt Nam để giải quyết vụ án được anh đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa.

Quan điểm của bà Lê Thị T xác định chị S và anh H có một con chung là cháu Phạm Hà Bảo T1, sinh ngày 20/12/2010, hiện nay cháu đang ở cùng với bà. Nay chị S xin ly hôn với anh H bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với việc chị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, bà đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị S, bà đồng ý nhận nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 trong thời gian chị S lao động tại Hàn Quốc. Khi nào

chị S về nước, bà sẽ giao cháu T1 lại cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà cam đoan không cản trở anh Phạm Duy H thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu T1. Do điều kiện ở xa, sức khỏe không cho phép nên bà xin được vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của chị S và anh H.

Quan điểm của cháu Phạm Hà Bảo T1: Cháu là con gái của bố H và mẹ S, nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tiến hành công khai tài liệu chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng chị S và anh H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị S và anh Phạm Duy H. Về con chung: Giao cháu Phạm Hà Bảo T1, sinh ngày 20/12/2010 cho chị Hà Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Phạm Duy H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3/2025. Án phí chị S và anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị S về tranh chấp hôn nhân và gia đình do anh H và chị S ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự, do các đương sự đang ở nước ngoài và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị S và anh Phạm Duy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là thị xã D), tỉnh Hà Nam ngày 28/5/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình

không hợp nên thường xuyên va chạm nhau. Nay chị S và anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị S và anh H thuận tình ly hôn, việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh H và chị S đều xác định có một con chung là cháu Phạm Hà Bảo T1, sinh ngày 20/12/2010, hiện nay cháu T1 đang ở với bà Lê Thị T (bà ngoại). Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu T1 cho chị S chăm sóc, giáo dục; do chị S đang lao động tại Hàn Quốc nên nhờ bà Lê Thị T (là mẹ đẻ) giúp chị nuôi cháu T1, khi nào chị về nước bà T có trách nhiệm giao cháu T1 cho chị nuôi dưỡng; chị S yêu cầu anh H đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng, anh H nhất trí. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng anh chị không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Những vấn đề ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hà Thị S và anh Phạm Duy H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị S và anh Phạm Duy H.
2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hà Bảo T1, sinh ngày 20/12/2010 cho chị Hà Thị S trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi tự lập được. Anh Phạm Duy H có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung cho chị Hà Thị S mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3/2025.

Tạm giao cháu Phạm Hà Bảo T1 cho bà Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi chị Hà Thị S hết hạn lao động tại Hàn Quốc trở về Việt Nam thì bà T có trách nhiệm giao lại cháu T1 cho chị S nuôi dưỡng cháu theo quy định. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hà Thị S và anh Phạm Duy H mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Số tiền chị S phải chịu 75.000 đồng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000037 ngày 11/4/2024 nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, chị S đã nộp xong án phí.

Trả lại chị Hà Thị S số tiền 225.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000037 ngày 11/4/2024 và số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí uỷ thác tư pháp theo biên lai số 0001463 ngày 28/5/2024 nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh Phạm Duy H phải chịu 150.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh Đỗ Văn T2 và chị Hà Thị S được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Tiên Ngoại;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Công Đoàn